

LUẬN XÁ LỢI PHÁT A TỶ ĐÀM

QUYỂN 24

Phẩm 2: **PHẨM TƯƠNG ỨNG THUỘC PHẦN NHIẾP TƯƠNG ỨNG** (Phần Hai)

Bảy mươi hai môn phần tương ứng nay sẽ nói:

Năm thức giới, mỗi thức đều có mười hai. Hai thức giới, mỗi thức đều có sáu mươi: xúc thân mười ba. Xúc tâm gọi là xúc đều có năm mươi ba. Xúc đối cũng mười ba. Xúc thân, xúc ái có hai mươi lăm. Xúc giận dữ hai mươi ba. Xúc minh ba mươi lăm. Xúc vô minh ba mươi bốn. Xúc của phần minh ba mươi lăm. Xúc phần vô minh ba mươi. Lạc căn mười ba. Khổ căn cũng như thế. Hỷ căn năm mươi một, ưu căn ba mươi bảy, xả căn năm mươi sáu, thọ sáu mươi lăm, tưởng, tư xúc, tư duy, mỗi pháp đều loại trừ tự tánh. Số giác khác có năm mươi chín, quán có sáu mươi, nhãn có năm mươi ba, kiến có năm mươi bốn, trí có ba mươi lăm, giải thoát sáu có mươi chín, vô tham có hai mươi chín, vô sân cũng như thế, vô si có bốn mươi hai, thuận tín có bốn mươi bốn, ăn năn có ba mươi bốn, không ăn năn có ba mươi sáu, đẹp lòng có năm mươi hai, hỷ cũng như thế. Tâm tiến có sáu mươi, tâm trừ có bốn mươi một, tín năm có mươi tám, dục có sáu mươi một, không buông lung có bốn mươi sáu, niệm có năm mươi chín, tâm xả có bốn mươi một, sự sợ hãi có hai mươi bảy, sử phiền não có bốn mươi chín, sử kiến có hai mươi tám, sử nghi có mười chín, sử trộm có hai mươi tám, sử ái có hai mươi chín, sử giận ghét có hai mươi bảy, sử ganh tỵ có hai mươi bốn, sử keo kiệt, tiếc rẻ cũng như thế, vô minh có ba mươi chín, mạn, trạo cử cũng như thế, định giác quán có ba mươi lăm, định không giác quán có ba mươi bốn, định không giác không quán có ba mươi ba, định không có ba mươi bốn, vô tướng, vô nguyện cũng như thế. Tín căn ba có mươi tám, tiến căn ba mươi chín, niệm căn cũng như thế, định căn có ba mươi bốn, tuệ căn có ba mươi sáu.

Hỏi: Thế nào là phần nhãn thức giới?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với giới nhãn thức, nghĩa là xúc thân, xúc đối, xúc phần vô minh, lạc căn, khổ căn, xả căn, thọ, xúc, tưởng, tư, tư duy, giải thoát, gọi là phần nhãn thức giới. Phần giới nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức cũng như thế.

Hỏi: Phần giới ý là sao?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với giới ý, nghĩa là xúc tâm, xúc danh, xúc ái, xúc ghét, xúc minh, xúc vô minh, xúc phần minh, xúc phần vô minh, hỷ căn cho đến huệ căn, gọi là phần giới ý. Phần giới ý thức cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là phần xúc thân?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với xúc thân, nghĩa là nhãn thức giới, giới nhĩ thức, giới tỷ thức, giới thiệt thức, thân thức giới, lạc căn, khổ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, tư duy, giải thoát, gọi là phần xúc thân.

Hỏi: Thế nào là phần xúc tâm?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với xúc tâm, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc trừ, hỷ căn, cho đến huệ căn, gọi là phần xúc tâm. Phần xúc danh cũng như thế.

Hỏi: Phần xúc đối là sao?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với xúc đối, nghĩa là nhãn thức giới, giới nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức, lạc căn, khổ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, tư duy, giải thoát, gọi là phần xúc đối.

Hỏi: Thế nào là phần xúc ái?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với xúc ái, nghĩa là giới ý, giới ý thức, hỷ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, tư duy nhận biết, quán, nhãn, kiến, giải thoát, không ăn năn, tâm vui mừng, tiến, tín, dục, niệm, sử phiền não, sử ái, sử vô minh, mạn, trạo cử, gọi là phần xúc ái.

Hỏi: Phần xúc giận dữ là sao?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với xúc giận dữ, nghĩa là giới ý, giới ý thức, ưu căn, thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, giải thoát, tâm ăn năn, tiến, tín, dục, niệm, sợ hãi, sử phiền não, sử giận dữ, sử vô minh, mạn, trạo cử, gọi là phần xúc giận dữ.

Hỏi: Thế nào là phần xúc minh?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với xúc minh, nghĩa là giới ý, giới ý thức, hỷ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, kiến, trí, giải thoát, không có si, thuận tín, tâm vui mừng, tâm tiến, trừ (khinh an), tín, dục, không buông lung, niệm, tâm xả, định có giác, có quán, định không giác, có quán, định không giác, không quán, định Không, định Vô tướng, định Vô nguyện, tín căn, cho đến huệ căn, gọi là phần xúc

minh.

Hỏi: Phần xúc vô minh là thế nào?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với xúc vô minh, nghĩa là giới ý, giới ý thức, hỷ căn, ưu căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, giải thoát, ăn năn, không ăn năn, tâm vui mừng, tiến, tín, dục, niệm, sợ hãi, sử phiền não và mười sử phiền não, gọi là phần xúc vô minh.

Hỏi: Xúc của phần minh là sao?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với xúc của phần minh, nghĩa là giới ý, giới ý thức, hỷ căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, giải thoát, không có si, thuận tín, tâm vui mừng, tâm tiến, trừ, tín, dục, không buông lung, niệm, tâm xả, định có giác, có quán, cho đến huệ căn, gọi là xúc của phần minh.

Hỏi: Xúc của phần vô minh là sao?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với xúc của phần vô minh, nghĩa là giới nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức, giới ý, giới ý thức, lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn, thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, giải thoát, không có tham, không giận dữ, không có si, thuận tín, ăn năn, không ăn năn, tâm vui mừng, tâm tiến, tín, dục, không buông lung, niệm, tâm trừ, sợ hãi, định có giác, có quán, định không giác, có quán, định không giác, không quán, gọi là xúc của phần vô minh.

Hỏi: Sao nói là phần lạc căn?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với lạc căn, nghĩa là giới nhãn, giới nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức. Xúc thân, xúc đối, xúc phần vô minh, xúc tưởng, tư, tư duy, giải thoát, gọi là phần lạc căn.

Hỏi: Phần khổ căn là thế nào?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với khổ căn nghĩa là: giới nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, thức, xúc thân, xúc đối, xúc phần vô minh, xúc tưởng tư, tư duy giải thoát, đó gọi là phần khổ căn.

Hỏi: Thế nào là phần hỷ căn?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với hỷ căn, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc ái, xúc minh, xúc vô minh, xúc phần minh, xúc phần vô minh, xúc tưởng, tư, tư duy, giải thoát, giác, quán, kiến, trí, giải thoát, không có tham, không giận dữ, không có ngu si, thuận tín, không ăn năn, tâm vui mừng, tâm tiến, trừ, tín, dục, không buông lung, niệm, tâm xả, sử phiền não, sử kiến, sử giới đạo, sử ái, sử vô minh, mạn, trạo cử, định có giác, có quán, cho đến huệ căn, gọi là phần hỷ căn.

Hỏi: Thế nào là phần ưu căn?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với ưu căn, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc giận dữ, xúc vô minh, xúc phần minh, xúc phần vô minh, xúc tưởng, tư, tư duy, giải thoát, giác, quán, nhãn kiến, trí, giải thoát, không có tham, không giận dữ, không có ngu si, thuận tín tâm ăn năn, tiến, tín, dục, không buông lung, niệm, sợ hãi, sử phiền não, sử kiến, sử nghi, sử giới đạo, sử giận dữ, sử ganh ghét, sử keo kiệt, tiếc rẻ, sử vô minh, mạn, trạo cử, gọi là phần ưu căn.

Hỏi: Thế nào là phần xả căn?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với xả căn, nghĩa là nhãn thức giới, giới nhĩ, tử, thiệt, thân thức, giới ý, giới ý thức, xúc nhãn, nhĩ, tử, thiệt, thân, xúc tâm, xúc danh, xúc đối, xúc ái, xúc minh, xúc vô minh, xúc của phần minh, xúc của phần vô minh, xúc tưởng, tư, tư duy, giác, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không có tham, không giận dữ, không có si, thuận tín, tâm trừ, tín, dục, không buông lung, niệm xả, sử phiền não, sử kiến, sử nghi, sử giới trộm, sử ái, sử vô minh ngã mạn, trạo cử, định có giác, có quán, cho đến huệ căn, gọi là phần xả căn.

Thế nào là phần thọ? Là tương ứng với pháp thọ, sao gọi là phi phần? Nghĩa là các tự tánh, đó gọi là phần phi thọ.

Thế nào là phần tưởng? Là tương ứng với pháp tưởng, sao gọi là phi phần? Nghĩa là các tự tánh, đó gọi là phần phi tưởng.

Thế nào là phần tư? Là tương ứng với pháp tư, sao gọi là phi phần, nghĩa là các tự tánh, đó gọi là phần phi tư.

Thế nào là phần xúc? Là tương ứng với pháp xúc, sao gọi là phi phần? Nghĩa là các tự tánh, đó gọi là phần phi xúc.

Thế nào là phần giác? Là tương ứng với pháp giác, sao gọi là phi phần? Nghĩa là thân cấu năm thức giới, xúc đối xúc, tự tánh của lục căn, khổ căn. Định vô giác vô quán, đó gọi là phần phi giác.

Thế nào là phần quán? Là tương ứng với pháp quán, sao gọi là phi phần? Nghĩa là thân năm thức giới, xúc đối xúc, tự tánh của lục căn, khổ căn. Định vô giác vô quán, đó gọi là phần phi quán.

Thế nào là phần Nhãn? Là tương ứng với pháp nhãn, thế nào là phi phần? Là xúc vô minh của thân có mười lăm, tự tánh nhãn, kiến, trí tuệ căn vô si. Kiến đoạn bỏ ba phiền não: thân kiến, nghi, giới đạo, đó gọi là phần phi nhãn.

Thế nào là phần kiến? Là tương ứng với pháp kiến, sao gọi là phi phần? Chín hoàn toàn, thân năm tự tánh nhãn trí, tuệ căn vô si, kiến đoạn ba phiền não: thân kiến, nghi, giới đạo, đó gọi là phần phi kiến.

Thế nào là phần trí? Là tương ứng với pháp trí, nghĩa là giới ý,

giới ý thức, tâm xúc gọi là xúc minh xúc, hỷ căn, xả căn, thọ tưởng xúc, tư duy giác quán giải thoát, thuận tín, tâm vui mừng, tâm tinh tiến, trừ, tín, dục, không buông lung, niệm tâm xả. Định có giác có quán cho đến định căn, đó gọi là phần trí.

Thế nào là phần giải thoát? Là tương ứng với pháp giải thoát, thế nào là phi phần? Là tự tánh của sử nghi, đó gọi là phần phi giải thoát.

Thế nào là phần vô tham? Là tương ứng với pháp vô tham, nghĩa là giới ý, giới ý thức, tâm xúc gọi là xúc, phần xúc vô minh, hỷ căn, ưu căn, xả căn, thọ tưởng tư xúc, tư duy giác quán, nhãn kiến giải thoát vô si, thiện tín, hối, bất hối, tâm vui mừng, tiến, tín, dục, không buông lung niệm. Đó gọi là phần vô tham.

Thế nào là phần vô nhuế? Là tương ứng với pháp vô nhuế, nghĩa là ý giới, giới ý thức, tâm xúc gọi là xúc, phần xúc vô minh, hỷ căn, ưu căn, xả căn, thọ tưởng tư xúc, tư duy giác quán. Nhãn kiến, giải thoát vô si, thuận tín, hối, bất hối, tâm vui mừng, tiến, tín, dục, không buông lung niệm, đó gọi là phần vô nhuế.

Thế nào là phần vô si? Là tương ứng với pháp vô si, nghĩa là giới ý, giới ý thức, tâm xúc danh xúc, minh xúc, minh phần xúc, vô minh phần xúc, hỷ căn, ưu căn, xả căn, thọ tưởng tư xúc, tư duy giác quán, giải thoát vô tham, vô nhuế, thuận tín, hối, bất hối, tâm vui mừng, tâm tinh tiến, trừ, tín dục, không buông lung niệm, tâm xả, định có giác có quán, cho đến định căn, đó gọi là phần tâm xả, định có giác có quán, cho đến định căn, đó gọi là phần vô si.

Thế nào là phần thuận tín? Là tương ứng với pháp thuận tín, nghĩa là giới ý, giới ý thức, tâm xúc, danh xúc, minh xúc, minh phần xúc, hỷ căn, ưu căn, vô nhuế, vô si, hối, bất hối, tâm vui mừng, tâm tinh tiến, trừ dục, không buông lung niệm, tâm xả, trừ tín căn. Định có giác có quán cho đến tuệ căn, đó gọi là phần thuận tín.

Thế nào là phần hối? Là tương ứng với pháp hối, nghĩa là giới ý, giới ý thức, tâm xúc, hỷ căn, thọ tưởng tư xúc, tư duy giác quán, nhãn kiến giải thoát, vô tham, vô nhuế, vô si. Thuận tín, tâm tinh tiến, tín dục, không buông lung niệm, sử phiền não, sử kiến, sử giới đạo, sử nhuế, sử vô minh, kiêu mạn, trạo cử, đó gọi là phần hối.

Thế nào gọi là phần phi? Là tương ứng với pháp phi hối, nghĩa là giới ý, giới ý thức, tâm xúc, danh xúc, ái xúc, vô minh xúc, vô minh phần xúc, hỷ căn, thọ tưởng tư xúc, tư duy giác quán, nhãn kiến giải thoát, vô tham, vô nhuế, vô si, thuận tín, tâm vui mừng, tiến tín dục, không buông lung niệm, sử phiền não, sử kiến, sử giới đạo, sử ái, vô

minh, mạn, trạo cử, đó gọi là phần phi hối.

Thế nào là phần duyệt? Là tương ứng với pháp duyệt, sao gọi là phần phi? Là chín nhuế xúc của thân, ưu căn, xả căn, tự tánh của hối, sợ nghi nhuế, ganh ghét, bỗn sển. Đó gọi là phần phi duyệt.

Thế nào là phần hỷ? Là tương ứng với pháp hỷ, sao gọi là phần phi? Là chín nhuế xúc của thân, ưu căn, xả căn, tự tánh của hối, hỷ, sợ, nghi, nhuế, ganh ghét, bỗn sển. Đó gọi là phần phi hỷ.

Thế nào là phần tâm tinh tiến? Là tương ứng với pháp tâm tinh tiến, sao là phi phần? Là thân có chín, tự tánh của tiến căn, đó gọi là phần chẳng phải tâm tinh tiến.

Thế nào gọi là phần của tâm trừ? Là tương ứng với pháp tâm trừ, nghĩa là giới ý, giới ý thức, tâm xúc, danh xúc, minh xúc, minh phần xúc, vô minh phần xúc, hỷ căn, xả căn, thọ tưởng tư xúc, tư duy giác quán, nhãn kiến trí, giải thoát vô si, thuận tín, tâm vui mừng, tiến tín dục, niệm không buông lung, tâm xả, định có giác có quán, cho đến tuệ căn, đó gọi là phần tâm trừ.

Thế nào là phần tín? Là tương ứng với pháp tín, sao là phần phi? Là thân có chín thuận tín, tín căn nghi, đó gọi là phần phi tín.

Thế nào là phần dục? Là tương ứng với pháp dục, sao là phi phần? Là thân có chín tự tánh nghi, đó gọi là phần phi dục.

Thế nào là phần không buông lung? Là tương ứng với pháp không buông lung, nghĩa là giới ý, giới ý thức, tâm xúc, danh xúc, minh xúc, minh phần xúc, vô minh phần xúc, hỷ căn, ưu căn, xả căn, thọ tưởng tư xúc, tư duy giác quán, nhãn kiến trí, giải thoát vô tham vô nhuế, vô si, thuận tín, hối, bất hối, tâm vui mừng, tinh tiến, tâm trừ, tiến dục niệm xả, định có giác có quán, cho đến định căn, đó gọi là phần không buông lung.

Thế nào là phần niệm? Là tương ứng với pháp niệm, sao là phi phần?

Nghĩa là thân có chín thứ tự tánh niệm căn nghi, đó gọi là phần phi niệm.

Thế nào là phần tâm xả? Là tương ứng với pháp tâm xả, nghĩa là giới ý, giới ý thức, tâm xúc, danh xúc, minh xúc, minh phần xúc, vô minh phần xúc, hỷ căn, xả căn, thọ tưởng tư xúc, tư duy giác quán, nhãn kiến trí, giải thoát vô si, thuận tín, tâm vui mừng, tinh tiến, tâm trừ, tín dục, niệm không buông lung, định có giác có quán, cho đến tuệ căn, đó gọi là phần tâm xả.

Hỏi: Sao nói là phần sợ hãi?

Đáp: Là pháp tương ứng với, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc giận dữ, xúc vô minh, xúc phần vô minh, ưu căn, xúc thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, tâm giải thoát, tiến, tín, dục, niệm, sử phiền não, sử giận dữ, sử vô minh, mạn, trạo cử, gọi là phần sợ hãi.

Hỏi: Thế nào là phần sử phiền não?

Đáp: Là pháp tương ứng với sử phiền não, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc ái, xúc giận dữ, xúc vô minh, hỷ căn, ưu căn, xả căn, xúc thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, tâm giải thoát, ăn năn, không ăn năn, tâm vui mừng, tiến, tín, dục, niệm, sợ hãi, sử, kiến, cho đến sử trạo cử, gọi là phần sử phiền não.

Hỏi: Phần sử kiến là thế nào?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với sử kiến, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc vô minh, hỷ căn, ưu căn, xả căn, xúc thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, giải thoát, ăn năn, không ăn năn, tâm vui mừng, tiến, tín, dục, niệm, sử phiền não, sử vô minh, mạn, trạo cử, gọi là phần sử kiến.

Hỏi: Phần sử nghi là thế nào?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với sử nghi, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc vô minh, ưu căn, xả căn, xúc thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, tâm tiến, sử phiền não, sử vô minh, mạn trạo cử, gọi là phần sử nghi.

Hỏi: Phần sử giới đạo là sao?

Đáp: Là pháp tương ứng với sử giới đạo, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc vô minh, hỷ căn, ưu căn, xả căn, xúc thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, giải thoát, ăn năn, không ăn năn, tâm vui mừng, tiến, tín, dục, niệm, sử phiền não, sử vô minh, mạn, trạo cử, gọi là phần sử giới đạo.

Hỏi: Phần sử ái là thế nào?

Đáp: 1 pháp tương ứng với sử ái, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc ái, xúc vô minh, hỷ căn, xả căn, xúc thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, giải thoát, không ăn năn, tâm vui mừng, tiến, tín, dục, niệm, sử phiền não, sử vô minh, mạn, trạo cử, gọi là phần sử ái.

Hỏi: Thế nào là phần sử giận dữ?

Đáp: Là pháp tương ứng với sử giận dữ, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc giận dữ, xúc vô minh, ưu căn, xúc thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, giải thoát, tâm ăn năn, tiến, tín,

dục, niệm, sợ hãi, sử phiền não, sử vô minh, mạn, trạo cử, gọi là phần sử giận dữ.

Hỏi: Phần sử ganh ty là sao?

Đáp: Là pháp tương ứng với sử ganh ty, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc vô minh, ưu căn, xúc thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, tâm giải thoát, tiến, tín, dục, niệm, sử phiền não, sử vô minh, mạn, trạo cử, gọi là phần sử ganh ty.

Hỏi: Phần sử keo kiệt là thế nào?

Đáp: Là pháp tương ứng với sử keo kiệt, tiếc rẻ, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc vô minh, xúc ưu căn, thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, tâm giải thoát, tiến, tín, dục, niệm, sử phiền não, sử vô minh, mạn, trạo cử, gọi là phần sử keo kiệt, tiếc rẻ.

Hỏi: Thế nào là phần sử vô minh?

Đáp: Là pháp tương ứng với sử vô minh, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc ái, xúc giận dữ, xúc vô minh, căn hỷ, căn ưu, căn xả, xúc, thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, tâm giải thoát, ăn năn, không ăn năn, tâm vui mừng, tiến, tín, dục, niệm, sợ hãi, sử phiền não, sử kiến, sử nghi, sử giới đạo, sử ái, sử giận dữ, sử ganh ty, sử keo kiệt, sử mạn, sử trạo cử, gọi là phần sử vô minh.

Hỏi: Phần sử mạn là sao?

Đáp: Là pháp tương ứng với sử mạn, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc ái, xúc giận dữ, xúc vô minh, hỷ căn, ưu căn, xả căn, xúc, thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, giải thoát, ăn năn, không ăn năn, tâm vui mừng, tiến, tín, dục, niệm, sợ hãi, sử phiền não, sử kiến, sử nghi, sử giới đạo, sử ái, sử giận dữ, sử ganh ty, sử keo kiệt, sử vô minh, sử trạo cử, gọi là phần sử mạn.

Hỏi: Thế nào là phần sử trạo cử?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với sử trạo cử, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc ái, xúc giận dữ, xúc vô minh, hỷ căn, ưu căn, xả căn, xúc, thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, giải thoát, ăn năn, không ăn năn, tâm vui mừng, tiến, tín, dục, niệm, sợ hãi, sử phiền não, sử kiến, sử nghi, sử trộm giới, sử ái, sử giận dữ, sử ganh ty, sử keo kiệt, sử vô minh, sử mạn, gọi là phần sử trạo cử.

Hỏi: Thế nào là phần định có giác, có quán?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với định có giác, có quán, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc phần minh, xúc phần vô minh, hỷ căn, xả căn, xúc, thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không có si, thuận tín tâm vui mừng, tiến, trừ, tín,

dục, không buông lung, niệm, tâm xả, tín căn, tiến căn, niệm căn, huệ căn, gọi là phần định có giác, có quán.

Hỏi: Thế nào là phần định không giác, có quán?

Đáp: Là pháp tương ứng với định không giác, có quán, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc phần minh, xúc phần vô minh, hỷ căn, ưu căn, xả căn, xúc thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, trí, kiến, giải thoát, không có si, tin thuận tâm vui mừng, tâm tiến, trừ, tín, dục, không buông lung, niệm, tâm xả, tín căn, tiến căn, niệm căn, huệ căn thì gọi là phần định không có giác, có quán.

Hỏi: Thế nào là phần định không có giác, không có quán?

Đáp: Là pháp tương ứng với định không có giác, không có quán, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc phần minh, xúc phần vô minh, hỷ căn, xả căn, xúc thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến trí, giải thoát, không có si, tin thuận tâm vui mừng, tâm tiến, trừ, tín, dục, niệm không buông lung, tâm xả, tín căn, niệm căn, huệ căn thì gọi là phần định không có giác, không có quán.

Hỏi: Phần định không là thế nào?

Đáp: Là pháp tương ứng với định không, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc phần minh, hỷ căn, xả căn, xúc thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không có si, thuận tín tâm vui mừng, tâm tiến, trừ, tín, dục, không buông lung, niệm, tâm xả, tín căn, tiến căn, niệm căn, huệ căn thì gọi là phần định không.

Hỏi: Phần định Vô tướng ra sao?

Đáp: Là pháp tương ứng với định vô tướng, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc phần minh, hỷ căn, xả căn, xúc thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không có si, thuận tín tâm vui mừng, tâm tiến, trừ, tín, dục, niệm không buông lung, , tâm xả, tín căn, tiến căn, niệm căn, huệ căn thì gọi là phần định vô tướng.

Hỏi: Phần định vô nguyện là thế nào?

Đáp: Là pháp tương ứng với định vô nguyện, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc phần minh, hỷ căn, xả căn, xúc thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không có si, thuận tín tâm vui mừng, tâm tiến, trừ, tín, dục, niệm không buông lung , tâm xả, tín căn, tiến căn, niệm căn, huệ căn thì gọi là phần định vô nguyện.

Hỏi: Phần tín căn là sao?

Đáp: Là pháp tương ứng với tín căn, nghĩa là giới ý, giới ý thức,

xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc phần minh, hỷ căn, xả căn, xúc thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không có si, tâm vui mừng, trừ, tín, dục, niệm không buông lung, tâm xả, trừ tín căn, từ định có giác, có quán, cho đến huệ căn gọi là phần tín căn.

Hỏi: Phần tiến căn là thế nào?

Đáp: Là pháp tương ứng với tiến căn, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc phần minh, hỷ căn, xả căn, xúc thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không có si, thuận tín, tâm vui mừng, tâm tiến, trừ, tín, dục, không buông lung, niệm, tâm xả, trừ tiến căn, từ định có giác, có quán... cho đến huệ căn thì gọi là phần tiến căn.

Hỏi: Thế nào là phần niệm căn?

Đáp: Là pháp tương ứng với niệm căn, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc phần minh, hỷ căn, xả căn, xúc thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không có si, thuận tín tâm vui mừng, tâm tiến, trừ, tín, dục, không buông lung, niệm, tâm xả, trừ niệm căn, từ định có giác, có quán... cho đến huệ căn gọi là phần niệm căn.

Hỏi: Phần căn định ra sao?

Đáp: Là pháp tương ứng với định căn, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc phần minh, hỷ căn, xả căn, xúc thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, nhãn, kiến, trí, giải thoát, không có si, thuận tín tâm vui mừng, tâm tiến, trừ, tín, dục, không buông lung, niệm, tâm xả, tín căn, tiến căn, niệm căn, huệ căn thì gọi là phần định căn.

Hỏi: Phần tuệ căn là thế nào?

Đáp: Là pháp tương ứng với tuệ căn, nghĩa là giới ý, giới ý thức, xúc tâm, xúc danh, xúc minh, xúc phần minh, hỷ căn, xả căn, xúc thọ, tưởng, tư, tư duy, giác, quán, giải thoát, tâm vui mừng, tâm tiến trừ, tín, dục, không buông lung, niệm, tâm xả, từ định có giác, có quán... cho đến định căn gọi là phần huệ căn.

Nhãn thức giới có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của nhãn thức giới, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của nhãn thức giới, nhãn thức giới, là phần ý thức không có duyên pháp. Giới của bốn thức thân: giới nhĩ, tỷ, thiệt thân thức cũng như thế.

Giới ý có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của giới ý, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của giới ý, giới ý, là phần thân không có duyên pháp.

Gới ý, giới ý thức có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của giới ý thức, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của giới ý thức, giới ý thức, là phần thân của pháp không duyên.

Xúc thân có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của xúc thân, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của xúc thân xúc thân, là phần ý thức không duyên pháp.

Xúc tâm có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của xúc tâm, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của xúc tâm, xúc tâm, là phần thân không duyên pháp.

Xúc danh có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của xúc danh, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của xúc danh, xúc danh, là phần thân không duyên pháp.

Xúc đối có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của xúc đối, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của xúc đối, xúc đối, là phần ý thức không duyên pháp.

Xúc ái có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của xúc ái, trừ pháp khác, là trừ những pháp

nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của xúc ái, xúc ái, là phần thân không duyên pháp, phần vô ký thiện của ý thức, phần bất thiện tương ứng của các phiền não, tương ứng không phải xúc ái.

Xúc giận dữ có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của xúc giận dữ, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của xúc giận dữ, xúc giận dữ, là phần thân không duyên pháp, phần vô ký, thiện của ý thức, phần bất thiện tương ứng của các phiền não, tương ứng không phải xúc giận dữ.

Xúc minh có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của xúc minh, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của xúc minh, phần xúc minh, là phần thân không duyên pháp. Phần ý thức chẳng phải Thánh, phần trí Thánh.

Xúc vô minh có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của xúc vô minh, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của xúc vô minh, xúc vô minh, là phần thân không duyên pháp, phần vô ký, thiện của ý thức.

Xúc của phần minh có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của phần minh, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của phần minh, xúc phần minh, là phần thân không duyên pháp. Phần ý thức chẳng phải Thánh, phần trí Thánh.

Xúc phần vô minh có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của xúc phần vô minh, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của xúc phần vô minh, xúc phần vô minh, là phần vô ký của ý thức không duyên pháp, phần Thánh.

Lạc căn có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của lạc căn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng lạc căn, lạc căn, là phần ý thức không duyên pháp, phần xả căn, khổ căn của thân.

Khổ căn có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của khổ căn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của khổ căn, khổ căn, là phần ý thức không duyên pháp, phần xả căn, lạc căn của thân.

Hỷ căn có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của hỷ căn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của hỷ căn, hỷ căn, là phần thân không duyên pháp, phần ưu căn xả căn, của ý thức.

Ưu căn có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của ưu căn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ Không phải pháp tương ứng của ưu căn, ưu căn, là phần thân không duyên pháp, phần xả căn hỷ căn của ý thức.

Xả căn có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của xả căn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Là trừ chẳng phải pháp tương ứng của xả căn, xả căn, là phần thân không duyên pháp, phần ưu căn hỷ căn của ý thức phần lạc căn, khổ căn.

Thọ có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của thọ, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Là trừ chẳng phải pháp tương ứng của thọ, thọ. Là pháp không duyên. Xúc tướng, tư, tư duy cũng như thế.

Giác có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của giác, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của giác, giác, là phần thân không duyên pháp, phần không có giác, có quán của ý thức.

Quán có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của quán, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của quán, quán, là phần thân không duyên pháp, phần không có giác, không có quán của ý thức.

Nhẫn có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của nhẫn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của nhẫn, nhẫn, là phần thân không duyên pháp, phần nghi của trí, ý thức.

Kiến có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của kiến, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của kiến, kiến, là phần thân không duyên pháp, phần nghi của ý thức.

Trí có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của trí, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của trí, trí, là phần thân không duyên pháp, phần ý thức chẳng phải Thánh, phần nhẫn của Thánh.

Giải thoát có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của sự giải thoát, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng với giải thoát. Giải thoát, nghĩa là phần nghi của ý thức không duyên pháp.

Vô tham có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của vô tham, trừ pháp khác, là trừ những

pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của vô tham, vô tham, là phần thân không duyên pháp, phần vô ký, bất thiện của ý thức, phần thiện không phải cõi Dục, hoặc phần vô sân của cõi Dục. Lại có tương ứng của không phải vô tham cõi Dục, phần tương ứng của vô sân, vô si.

Vô sân có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của vô sân, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng vô sân, vô sân, là phần thân không duyên pháp, phần vô ký, bất thiện của ý thức, phần không phải thiện cõi Dục, phần vô tham của cõi Dục. Lại có tương ứng không phải vô sân của cõi Dục, phần tương ứng của vô tham, vô si.

Vô si có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của vô si, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng vô si, vô si, là phần thân không duyên pháp, phần vô ký, bất thiện của ý thức.

Thuận tín có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của thuận tín, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của thuận tín, thuận tín, là phần thân không có duyên pháp, phần bất thiện của ý thức, hoặc là phần vô ký.

Ăn năn có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của sự ăn năn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của ăn năn, ăn năn, là phần thân không duyên pháp, phần xả căn, hỷ căn của ý thức, phần tương ứng của hỷ căn, không phải phần tương ứng ăn năn.

Không ăn năn (Bất hối) có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của không ăn năn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào.

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng với không ăn năn, không ăn năn, là phần thân không duyên pháp, phần ưu căn xả căn, của ý thức, phần tương ứng hỷ căn, không phải phần tương ứng với không ăn năn.

Đẹp lòng có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của đẹp lòng, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng với đẹp lòng, đẹp lòng, là phần thân không duyên pháp, phần ưu căn, xả căn của ý thức, phần tương ứng của hỷ căn, phần không phải tương ứng của đẹp lòng.

Hỷ có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của hỷ, trừ pháp khác, trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng với hỷ, hỷ, là phần thân không duyên pháp, phần ưu căn, xả căn của ý thức, phần tương ứng của sự hài lòng, không phải tương ứng của hỷ.

Tâm tiến có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của tâm tiến, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng với tâm tiến, tâm tiến, là phần thân không duyên pháp.

Tâm trừ có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của tâm trừ, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng với tâm trừ, tâm trừ, là phần thân không duyên pháp, phần bất định ý thức.

Tín có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của tín, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của tín, tín, là phần thân không duyên pháp, phần nghi của ý thức.

Dục có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của dục, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng dục, dục, là phần thân không duyên pháp, phần nghi của ý thức.

Không buông lung có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của không buông lung, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng không phải không buông lung, không buông lung. Nghĩa là phần thân không duyên pháp, phần vô ký, bất thiện của ý thức.

Niệm có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của niệm, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng với niệm, niệm, là phần thân không duyên pháp, phần nghi của ý thức.

Tâm xả có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của tâm xả, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của tâm xả, tâm xả, là phần thân không duyên pháp, phần bất định của ý thức.

Sợ hãi có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của sự sợ hãi, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng với sợ hãi, sợ hãi, là phần thân không duyên pháp, phần hỷ căn, xả căn, của ý thức, phần tương ứng của ưu căn, không phải tương ứng của sợ hãi.

Sử phiền não có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của sử phiền não, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của sử phiền não, sử phiền não, là phần thân không duyên pháp, phần vô ký, thiện của ý thức.

Sử kiến có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của sử kiến, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của sử kiến, sử kiến, là phần thân không duyên pháp, phần vô ký, thiện của ý thức, phần tương ứng của các phiền não, không phải tương ứng của sử kiến.

Sử nghi có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của sử nghi, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng sử nghi, sử nghi, là phần thân không duyên pháp, phần vô ký thiện của ý thức, phần tương ứng của các phiền não, bất thiện không phải tương ứng với sử nghi.

Sử giới đạo có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của sử giới đạo, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng với sử giới đạo, sử giới đạo, là phần thân không duyên pháp, phần vô ký thiện của ý thức, phần tương ứng của các phiền não, không phải tương ứng của sử giới đạo.

Sử ái có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của sử ái, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng sử ái, sử ái, là phần thân không duyên pháp, phần vô ký của ý thức, phần bất thiện không phải tương ứng sử ái và các phiền não.

Sử giận dữ có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của sử giận dữ, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng với sử giận dữ, sử giận dữ, là phần thân không duyên pháp, phần vô ký, thiện của ý thức, phần bất thiện không phải tương ứng các phiền não tương ứng của sử giận dữ.

Sử ganh tỵ có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của sử ganh tỵ, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của sử ganh tỵ, sử ganh tỵ, là phần thân không duyên pháp, phần vô ký, thiện của ý thức, phần bất thiện không phải tương ứng của các phiền não, tương ứng của sử ganh

ty.

Sử bốn sển có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của sử bốn sển, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của sử bốn sển, sử bốn sển là phần thân không duyên pháp, phần vô ký, thiện của ý thức, phần bất thiện không tương ứng các phiền não, là tương ứng của sử bốn sển.

Sử vô minh có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của sử vô minh, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của sử vô minh, sử vô minh, là phần thân không duyên pháp, phần vô ký, thiện của ý thức, mạn, trạo cử cũng như thế.

Định có giác, có quán có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của định có giác, có quán, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của định có giác, có quán, định có giác, có quán, là phần thân không duyên pháp, phần tương ứng của hai định, phần bất định của ý thức.

Định không có giác, có quán có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của định không có giác, có quán, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ không phải pháp tương ứng của định không có giác, có quán, định không có giác, có quán, là phần thân không duyên pháp, phần tương ứng của hai định, bất định của ý thức.

Định không giác, không có quán có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của định không có giác, không có quán, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của định không giác, không quán, định không giác, không quán, là phần thân không duyên pháp, phần bất định của ý thức, phần tương ứng của hai định.

Định không có bao nhiêu pháp tương ứng?

Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của định không, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng với định Không, định Không, là phần thân không duyên pháp, phần ý thức chẳng phải Thánh, phần tương ứng của định vô tướng, vô nguyện.

Định vô tướng có bao nhiêu pháp tương ứng? Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của định vô tướng, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của định Vô tướng, định Vô tướng, là phần thân không duyên pháp, phần ý thức chẳng phải Thánh, phần tương ứng của định Không, Vô nguyện của bậc Thánh.

Định vô nguyện có bao nhiêu pháp tương ứng? Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của định vô nguyện, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Là trừ chẳng phải pháp tương ứng của định Vô nguyện, định Vô nguyện, là phần thân không duyên pháp, phần ý thức chẳng phải bậc Thánh, phần tương ứng không, vô tướng của Thánh.

Tín căn có bao nhiêu pháp tương ứng? Hỏi: Là những pháp nào?

Hỏi: Pháp tương ứng của tín căn, trừ pháp khác, là trừ những pháp nào?

Đáp: Trừ chẳng phải pháp tương ứng của tín căn, tín căn, là phần thân không duyên pháp, phần ý thức chẳng phải Thánh, tiến căn, niệm căn, định căn, huệ căn cũng như thế.

